dhp_ev, 07

Kinh Pháp Cú (Dhammapada, Anh–Việt)

dhp_ev, 07

This document is written in Vietnamese, with Unicode Times font

Dhammapada Sutta

(Khuddaka Nikaya - Sutta Pitaka)

The Path of Truth

English translation

by Bhikkhu Khantipalo & Sister Susanna

Sydney, Australia, 1993 Kinh Pháp Cú

Vietnamese translation

by Bhikkhu Thích Minh Châu

Sài Gòn, Việt Nam, 1996

VII- Arahantavagga

The saints Phẩm A La Hán

90. With journey finished and sorrowless,

from everything completely free,

for one who has loosened all the ties

passion’s fever is not found. 90. Đích đã đến, không sầu,

Giải thoát ngoài tất cả,

Đoạn trừ mọi buộc ràng,

Vị ấy không nhiệt não.

91. Mindful Ones exert themselves,

in no abode do they delight,

as swans abandoning their lake

home after home they leave behind. 91. Tự sách tấn chánh niệm,

Không thích cư xá nào,

Như ngỗng trời rời ao,

Bỏ sau mọi trú ẩn.

92. For those who don’t accumulate,

who well reflect upon their food,
they have as range the nameless and
the void of perfect freedom too.
As birds that wing through space,
hard to trace their going. 92. Tài sản không chất chứa,
Ăn uống biết liễu trì,
Tự tại trong hành xứ,
Không vô tướng, giải thoát,
Như chim giữa hư không,
Hướng chúng đi khó tìm.
93. For whom pollutions are destroyed,
not attached to any food,
he has as range the nameless and
the void of perfect freedom too.
As birds that wing through space,
hard to trace his going. 93. Ai lậu hoặc đoạn sạch,
Ăn uống không tham đắm,
Tự tại trong hành xứ,
Không, vô tướng, giải thoát.
Như chim giữa hư không,
Dấu chân thật khó tìm.
94. Whose faculties are pacified
as steeds by charioteers well-tamed,
with pride abandoned, unpolluted,
to even devas this One’s dear. 94. Ai nhiếp phục các căn,
Như đánh xe điều ngự,
Mạn trừ, lậu hoặc dứt,
Người vậy, Chư Thiên mến.
95. Like earth is one who’s well-behaved,
secure and not resentful,

as city-post, as filth-free lake,
no wanderings-on for One Who’s Thus. 95. Như đất không hiềm hận,
Như cột trụ kiên trì,
Như hồ, không bùn nhơ,
Không luân hồi, vị ấy.
96. Peaceful his mind and peaceful
his speech and actions too,
perfect in knowledge of freedom,
One Thus is of utmost peace. 96. Người tâm ý an tịnh,
Lời an, nghiệp cũng an,
Chánh trí, chơn giải thoát,
Tịnh lạc là vị ấy.
97. With no beliefs, the Unmade known,
with fetters finally severed,
with kammas cut and craving shed,
attained to humanity’s heights. 97. Không tin [1] , hiểu Vô vi.
Người cắt mọi hệ lụy,
Cơ hội tận, xả ly
Vị ấy thật tối thượng.
98. Whether in town or woods,
whether in vale, on hill,
wherever dwell the Arahants
so pleasing there the earth. 98. Làng mạc hay rừng núi
Thung lũng hay đồi cao,
La Hán trú chỗ nào,
Đất ấy thật khả ái.
99. Delightful are the forests
where folk do not delight,
there the Passionless delight,
they’re not pleasure-seekers. 99. Khả ái thay núi rừng,

Chỗ người phàm không ưa,

Vị ly tham ưa thích,

Vì không tìm dục lạc.

Chú thích:

[1] Vị A La Hán tự chứng biết, không tin ai làm cho giác ngộ.

[Phẩm trước][Mục lục][Phẩm kế]

[Thư mục Việt ngữ] [BuddhaSasana Main Page]

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.